

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2026
V/việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lô Văn Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cù Đức Hùng

Bà Phan Thị Duệ

- **Thư ký phiên toà:** Bà Ngô Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên toà:**
Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại Phòng xử án số 1, Tòa án nhân dân khu vực 10, Nghệ An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lương Thị Th.** Sinh ngày 15/5/1984.

Nơi cư trú: Bản N C, xã Q Ph, tỉnh Ng A.

Số căn cước công dân: 040184018994.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Hà Văn D.** Sinh ngày 16/02/1983.

Nơi cư trú: Bản N C, xã Q Ph, tỉnh Ng A.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội trực sinh, phân trại số 1, Trại giam số 3, Cục C10, Bộ Công an. Địa chỉ: Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Số căn cước công dân: 040083013167.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2026, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Th và anh Hà Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Nọc (nay là xã Quế Phong), tỉnh Nghệ An vào ngày 15/8/2002. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do sau khi kết hôn được hai năm thì anh Danh dính vào tệ nạn đó là nghiện chất ma túy. Năm 2018 anh D bị Tòa án nhân tỉnh Nghệ An xét xử về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, thời hạn chấp hành án là 20 năm, hiện đang chấp hành án tại Tổ trực sinh, Phân trại số 1, Trại giam số 3, xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và

không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn D.

- Về con chung: Chị Lương Thị Th và anh Hà Văn D có ba người con chung là Hà Lệ Q, sinh ngày 16/01/2003 (Đã lấy chồng và sinh sống ở xã Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An), Hà Ngọc H, sinh ngày 11/3/2012 và Hà Tuấn S, sinh ngày 15/11/2015. Ngoài ra chị Th không có con riêng và vợ chồng không nhận nuôi con nuôi. Ly hôn, chị Th yêu cầu được giao nuôi dưỡng cả hai người con chung là cháu H và cháu S, không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Chị Lương Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn D và chị Lương Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Nọc (nay là xã Quế Phong), tỉnh Nghệ An vào ngày 15/8/2002. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó anh D dính vào tệ nạn ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2018 anh D bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 1, Trại giam số 3, xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Do đó anh D đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Th.

- Về con chung: Anh Hà Văn D và chị Lương Thị Th có ba người con chung là Hà Lệ Q, sinh ngày 16/01/2003 (Đã lấy chồng và sinh sống ở xã Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An), Hà Ngọc H, sinh ngày 11/3/2012 và Hà Tuấn S, sinh ngày 15/11/2015. Ngoài ra anh D không có con riêng và vợ chồng không nhận nuôi con nuôi. Ly hôn, anh D đồng ý giao hai người con chung là cháu H và cháu S cho chị Th nuôi dưỡng và xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Anh Hà Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Lương Thị Th được ly hôn anh Hà Văn D; Đề nghị giao hai người con chung chưa thành niên là cháu Hà Ngọc H và cháu Hà Tuấn S cho chị Lương Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hà Văn D. Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ nên đề nghị không xem xét. Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc chị Lương Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại xã Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An theo quy định tại khoản 1 điều 28; Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp quy định của pháp luật. Do

đó, căn cứ vào khoản 1 điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lương Thị Th và anh Hà Văn D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai người không hạnh phúc, không ai còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa, anh Danh đồng ý ly hôn với chị Thanh. Thấy rằng, hôn nhân giữa chị Th và anh D không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Thanh, cho chị Lương Thị Th được ly hôn với anh Hà Văn D, điều này là phù hợp với thực tế cuộc sống và cũng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Lương Thị Th và anh Hà Văn D có ba người con chung là Hà Lê Q, sinh ngày 16/01/2003 (Đã lấy chồng và sinh sống ở xã Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An), Hà Ngọc H, sinh ngày 11/3/2012 và Hà Tuấn S, sinh ngày 15/11/2015. Ly hôn, anh D đồng ý giao hai người con chung chưa thành niên là cháu H và cháu S cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, việc giao nuôi dưỡng con chung chưa thành niên xuất phát từ việc cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt để cho con có thể phát triển bình thường, ăn học, khôn lớn và trưởng thành, đồng thời cũng xem xét đến khả năng của người được giao nuôi dưỡng con chung. Thấy rằng hiện nay bản thân anh D đang phải đi chấp hành án phạt tù dài hạn. Bản thân chị Th có sức khỏe, có việc làm và thu nhập ổn định, các con chung là cháu H và cháu S đều có nguyện vọng được ở với chị Th. Do đó, việc giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật cũng như ý kiến của các bên và nguyện vọng của các con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu Hà Ngọc H và Hà Tuấn S cho chị Lương Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hà Văn D. Sau này nếu giữa các bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản và nợ: Chị Lương Thị Th và anh Hà Văn D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét. Sau này nếu giữa các bên có yêu cầu Tào án giải quyết về chia tài sản và nợ chung thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị Lương Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị Th. Cho chị Lương Thị Th được ly hôn anh Hà Văn D.

- Về giao nuôi con chung: Giao các con chung là cháu Hà Ngọc H, sinh ngày 11/3/2012 và Hà Tuấn S, sinh ngày 15/11/2015 cho chị Lương Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hà Văn D.

Anh Hà Văn D có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

- Về án phí: Chị Lương Thị Th phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000389 ngày 16/01/2026 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Lương Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các bên đều được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND khu vực 10; VKSND tỉnh Nghệ An;
- Phòng GDKT, TT&TĐKT, TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quế Phong, tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- Phòng THADS KV 10, Nghệ An ;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu văn phòng;

Lô Văn Linh